

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 26/2018/HSST
Ngày 22-8-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Hạnh

Bà H Moan MLô

- Thư ký phiên tòa: Ông Thiệu Sỹ Vững - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Từ Quốc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 22-8-2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2018/HSST ngày 06/7/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXX-HS-ST ngày 18 tháng 7 năm 2018 đối với các bị cáo:

Họ và tên: **HÀ NGỌC S** - sinh năm 1995 tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn B, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn L (đã chết); con bà Trần Thị Ph, sinh năm 1960; vợ: Hồ Thị T, sinh năm 1996; con: Có 01 con sinh năm 2017; tiền án; tiền sự: Không; hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Đ, huyện Madrăk, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt tại phiên tòa.

2/Họ và tên: **TRẦN HOÀNG NG (Tên gọi khác: B)** - sinh ngày 1996 tại tỉnh Đắk Lắk; nơi đăng ký hộ khẩu và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn Th, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc T (chết) con bà Phạm Thị H, sinh năm 1960; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự:

Không; hiện bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Đ, huyện C, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt tại phiên tòa.

-Người bị hại:Bà Trương Thị Tuyết Nh, sinh 1976; trú tại: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Hồ Thị T, sinh năm 1996; trú tại: Thôn B, xã C huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 04/12/2017, Hà Ngọc S điều khiển xe mô tô biển số 47M2-2077 đến nhà Trần Hoàng Ng tại thôn Th, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk chở Ng đi chơi. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, trong lúc đang đi chơi, S rủ Ng đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân thì Ng đồng ý, sau đó S điều khiển xe mô tô chở Ng đến địa bàn thị xã Buôn Hồ tìm nhà dân sở hữ trong việc trông coi, quản lý tài sản để trộm cắp. Khi cả hai đi đến trước đại lý thu mua nông sản, phân bón Tuyết Nh thuộc TDP Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk do bà Trương Thị Tuyết Nh làm chủ. S dừng xe bên kia lề đường Quốc lộ 14 phía trước đối diện với đại lý quan sát, phát hiện đại lý mở cửa không có người trông coi, S liền điều khiển xe chở Ng rẽ trái qua giải phân cách chạy đến trước cửa đại lý thì dừng lại, S ngồi trên xe để cảnh giới, Ng đi vào trong đại lý trộm 01 bao cà phê nhân xô rồi vác ra để lên xe S điều khiển xe mô tô chở Ng và bao cà phê vừa trộm cắp được tẩu thoát về hướng huyện Krông Buk, tỉnh Đắk Lắk. Khi đến địa phận huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk, S điều khiển xe mô tô rẽ về hướng xã Ea Ngai, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk để tìm nơi tiêu thụ, trên đường đi S và Ng gặp một người phụ nữ không rõ nhân thân, lai lịch thu mua nông sản dạo bên đường nên cả hai dừng lại bán, khi cân cà phê bán cả hai xác nhận bao cà phê nhân xô có trọng lượng 72kg và bán được 2.500.000đ. Số tiền này S và Ng chia đôi tiêu xài.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08 ngày 05/03/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã Buôn Hồ kết luận: 01 bao cà phê nhân xô, trọng lượng 72kg có giá trị là: 2.664.000 đồng.

- Phần dân sự: Bị cáo Hà Ngọc S đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại bà Trương Thị Tuyết Nh trị giá nửa bao cà phê nhân xô là 1.332.000 đồng, bà Nh yêu cầu bị cáo Trần Hoàng Ng bồi thường trị giá nửa bao cà phê nhân xô còn lại là 1.332.000 đồng và không yêu cầu gì thêm về dân sự.

Đối với 72 kg cà phê nhân xô là tang vật của vụ án, tuy nhiên sau khi bị cáo S và Ng trộm cắp đã bán lại cho một người thu mua nông sản dạo bên đường không xác định được địa điểm, nhân thân, lai lịch người mua nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Buôn Hồ không thu giữ được là có căn cứ.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 47M2- 2077 mà bị cáo S và Ng dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định, xe mô tô nói trên là do bị cáo S cùng đồng bọn trộm cắp vào ngày 04/10/2017 tại xã Chư Kbô, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 29/11/2017 S và Ng dùng xe mô tô này thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện huyện Krông Năng, sau đó bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với S và Ng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng đã bàn giao chiếc xe mô tô nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk để xử lý theo thẩm quyền.

Bản cáo trạng số 23/CT-VKSBH, ngày 02/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đã truy tố các bị cáo Hà Ngọc S và Trần Hoàng Ng về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ giữ quyền công tố trình bày luận tội, tranh luận xác định: Do ý thức xem thường pháp luật Nhà nước, xem thường tài sản của người khác và động cơ tư lợi cá nhân, nên Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 04/12/2017 tại đại lý thu mua nông sản, phân bón Tuyết Nh thuộc TDP Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo Hà Ngọc S và Trần Hoàng Ng đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt của bà Trương Thị Tuyết Nh 01 bao cà phê nhân xô, trọng lượng 72kg có giá trị là: 2.664.000đ. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Hà Ngọc S và Trần Hoàng Ng về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999; sửa đổi bổ sung năm 2009 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự 1999; khoản 1 điều 56 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Hà Ngọc S từ 09 đến 12 tháng tù, tổng hợp hình phạt chung 21 đến 24 tháng tù, khấu trừ thời gian tạm giam và thi hành án của bản án số 13/2018/HSST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự 1999; khoản 1 điều 56 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng Ng từ 06 đến 09 tháng tù, tổng hợp hình phạt chung 15 đến 18 tháng tù, khấu trừ thời gian đã chấp hành án của bản án số 13/2018/HSST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Về các biện pháp tư pháp:

- Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận bị cáo Hà Ngọc S đã tác động gia đình tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bà Trương Thị Tuyết Nh là người bị hại trị giá nửa bao cà phê nhân xô là 1.332.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Hoàng Ng bồi thường trị giá nửa bao cà phê nhân xô còn lại là 1.332.000 đồng cho bà Trương Thị Tuyết Nh.

Tại phiên tòa các bị cáo Hà Ngọc S và Trần Hoàng Ng khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố và kết luận các bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng, các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Buôn Hồ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Hà Ngọc S và Trần Hoàng Ng khai nhận: Do ý thức xem thường pháp luật nhà nước, xem thường quyền sở hữu tài sản của người khác, nên Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 04/12/2017 tại đại lý thu mua nông sản, phân bón T thuộc TDP Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo Hà Ngọc S và Trần Hoàng Ng đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt của bà Trương Thị Tuyết Nh 01 bao cà phê nhân xô gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương nên Viện kiểm sát truy tố và kết luận các bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng, các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời khai

nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo Hà Ngọc S và Trần Hoàng Ng đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình năm 1999 sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân trong cuộc sống, các bị cáo biết được rằng tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác đều sẽ bị pháp luật hình sự trừng trị. Vì vậy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục răn đe và phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hà Ngọc S và Trần Hoàng Ng không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội gây thiệt hại không lớn, ngoài ra bị cáo Hà Ngọc S đã tác động gia đình khắc phục hậu quả cho người bị hại, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, p khoản 1 điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, vì vậy khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[6] Về nhân thân các bị cáo: Ngày 28/3/2018 các bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xử phạt Hà Ngọc S 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 13/12/2017, bị cáo Trần Hoàng Ng (B) 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án ngày 31/5/2018 về tội “Trộm cắp tài sản”.

[7] Với tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, cần áp dụng hình phạt tù, cách ly

các bị cáo với đời sống xã hội một thời gian nhất định là tương xứng với tính chất, hành vi các bị cáo thực hiện nhằm cải tạo, giáo dục, phòng ngừa tội phạm chung và riêng trong toàn xã hội. Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, do đó cần phân tích đánh giá đối với từng bị cáo để quyết định hình phạt tương xứng hành vi, vai trò và nhân thân đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Hà Ngọc S là người khởi xướng, rủ rê và dùng phương tiện chở bị cáo Trần Hoàng Ng đi trộm cắp, bị cáo Trần Hoàng Ng là người thực hành, do đó xét thấy tính chất, vai trò của bị cáo Hà Ngọc S nguy hiểm và cao hơn đối với bị cáo Trần Hoàng Ng. Tuy nhiên bị cáo Hà Ngọc S có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, g, p khoản 1 điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, còn bị cáo Trần Hoàng Ng có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, p khoản 1 điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, vì vậy cần xử phạt các bị cáo với mức án bằng nhau là phù hợp. Tại bản án số 13/2018/HSST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xử phạt Hà Ngọc S 12 tháng tù, xử phạt Trần Hoàng Ng (B) 09 tháng tù, hiện nay các bị cáo đang chấp hành hình phạt tù, do vậy áp dụng các Điều 55, 56 BLHS năm 2015 để tổng hợp hình phạt buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[8] Về bồi thường thiệt hại: Trong quá trình điều tra bị cáo Hà Ngọc S đã tác động gia đình tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bà Trương Thị Tuyết Nh là người bị hại trị giá nửa bao cà phê nhân xô là 1.332.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Cần buộc bị cáo Trần Hoàng Ng bồi thường trị giá nửa bao cà phê nhân xô còn lại là 1.332.000 đồng cho bà Trương Thị Tuyết Nh là có căn cứ.

Đối với người mua 72 kg cà phê nhân xô của bị cáo S và Ng trộm cắp, nhưng hiện nay không xác định được địa điểm, nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để xem xét, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 47M2- 2077 mà bị cáo S và Ng dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Quá trình điều tra xác định, xe mô tô nói trên là do bị cáo S cùng đồng bọn trộm cắp vào ngày 04/10/2017 tại xã Chư Kbô, huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 29/11/2017 S và Ng dùng xe mô tô này thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Krông Năng, sau đó bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng khởi tố vụ án, khởi tố bị cáo đối với S và Ng. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng đã bàn giao chiếc xe mô tô nói trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk để xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Hà Ngọc S, Trần Hoàng Ng (B) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1 điều 46 của Bộ luật hình sự 1999; khoản 1 điều 55; khoản 1 điều 56 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Hà Ngọc S 09 (chín) tháng tù, tổng hợp hình phạt 12 (mười hai) tháng tù của bản án số 13/2018/HSST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, hình phạt chung buộc bị cáo Hà Ngọc S phải chấp hành là 21 (hai mươi một) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 13/12/2017 (ngày bắt tạm giam theo bản án số 13/2018/HSST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk).

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 điều 46 của Bộ luật hình sự 1999; khoản 1 điều 55; khoản 1 điều 56 của Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Hoàng Ng (B) 09 (chín) tháng tù, tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù của bản án số 13/2018/HSST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, hình phạt chung buộc bị cáo Trần Hoàng Ng phải chấp hành là 18 (mười tám) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày chấp hành án ngày 31/5/2018 (ngày thi hành án theo bản án số 13/2018/HSST ngày 28/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk).

Các biện pháp tư pháp:

-Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự và Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Ghi nhận việc gia đình bị cáo Hà Ngọc S đã tác động gia đình tự nguyện thoả thuận bồi thường cho bà Trương Thị Tuyết Nh trị giá nửa bao cà phê nhân xô là 1.332.000 đồng.

- Buộc bị cáo Trần Hoàng Ng (B) bồi thường trị giá nửa bao cà phê nhân xô còn lại là 1.332.000 đồng cho bà Trương Thị Tuyết Nh.

- Về án phí: *Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1; khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Các bị cáo Hà Ngọc S và Trần Hoàng Ng (B) mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Hoàng Ng (B) phải chịu 300.000đ án phí DSST.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 BLDS để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

-Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- Sở tư pháp;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ;
- Cơ quan THA hình sự công an TX Buôn Hồ;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS, Vp

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tùng Lâm